

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 11 /2021/NQ-HĐND

Quảng Nam, ngày 16 tháng 3 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Quy định một số nội dung chi, mức chi đặc thù cho
công tác Y tế dự phòng - Dân số trên địa bàn tỉnh**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ 22

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Xét Tờ trình số 1065/TTr-UBND ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị ban hành nghị quyết quy định một số nội dung chi, mức chi cho công tác Y tế dự phòng - Dân số trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025; Báo cáo thẩm tra số 22/BC-HĐND ngày 12 tháng 3 năm 2021 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định một số nội dung chi, mức chi đặc thù cho công tác Y tế dự phòng - Dân số trên địa bàn tỉnh.

b) Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân quản lý, sử dụng nguồn ngân sách nhà nước triển khai thực hiện công tác Y tế dự phòng - Dân số trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Nội dung chi và mức chi hỗ trợ người thực hiện tư vấn, nói chuyện chuyên đề hướng dẫn bệnh nhân và người nhà bệnh nhân phòng, điều trị, chăm sóc và hỗ trợ tâm lý cho người bệnh; hỗ trợ tổ chức các hoạt động sinh hoạt câu lạc bộ thực hiện tư vấn về nội dung phòng, điều trị, chăm sóc cho người bệnh.

1. Chi hỗ trợ người thực hiện tư vấn: Theo mức chi hỗ trợ cho giảng viên, báo cáo viên được quy định tại các văn bản hiện hành.

2. Trường hợp tư vấn thường xuyên hàng tháng tại cơ sở xét nghiệm HIV, cơ sở điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế: Hỗ trợ người thực hiện tư vấn: 100.000 đồng/người tư vấn/buổi tư vấn, tối đa 500.000 đồng/người tư vấn/tháng. Số lượng người tư vấn do người đứng đầu cơ quan chuyên môn về y tế, dân số quyết định.

3. Trường hợp đi tư vấn, hướng dẫn tại cộng đồng: Ngoài chế độ công tác phí theo quy định hiện hành, được hỗ trợ theo đối tượng tư vấn với mức 15.000 đồng/người được tư vấn/lần tư vấn, tối đa 300.000 đồng/người tư vấn/tháng. Riêng tư vấn về an toàn thực phẩm, mức chi 30.000 đồng/cơ sở được tư vấn/lần tư vấn, tối đa 450.000 đồng/người tư vấn/tháng.

Điều 3. Nội dung chi và mức chi hỗ trợ khám sàng lọc, phát hiện, quản lý sàng lọc, tham gia chiến dịch và khám lưu động tại cộng đồng; khám bệnh, chữa bệnh kết hợp quân dân y. Nội dung và mức chi bao gồm:

1. Chi phí xét nghiệm, thủ thuật lấy bệnh phẩm sinh thiết, làm tiêu bản mô bệnh học và các dịch vụ kỹ thuật y tế khác theo chuyên môn y tế (nếu có). Mức chi thực hiện theo giá dịch vụ y tế của cơ quan có thẩm quyền quy định đối với cơ sở y tế công lập hiện hành.

2. Chi hỗ trợ cho những người trực tiếp tham gia công tác khám sàng lọc ngoài chế độ công tác phí hiện hành:

a) Chi hỗ trợ người lấy mẫu bệnh phẩm, vật phẩm và mẫu máu trong các đợt khám sàng lọc: 7.000 đồng/mẫu.

b) Người trực tiếp khám, xét nghiệm (bao gồm bác sỹ, y sỹ, y tá, Điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật viên xét nghiệm): Mức hỗ trợ là 125.000 đồng/người/ngày khi thực hiện tại xã đặc biệt khó khăn, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo, xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ (sau đây gọi tắt là xã đặc biệt khó khăn); 90.000 đồng/người/ngày khi thực hiện tại các xã còn lại.

c) Đối tượng khác trực tiếp phục vụ công tác khám sàng lọc: Mức hỗ trợ 65.000 đồng/người/ngày khi thực hiện tại xã đặc biệt khó khăn; 40.000 đồng/người/ngày khi thực hiện tại các xã còn lại.

Điều 4. Nội dung chi và mức chi hỗ trợ giám sát dịch tễ học, giám sát các bệnh tật, giám sát an toàn thực phẩm, giám sát dinh dưỡng, giám sát sức khỏe sinh sản, giám sát mất cân bằng giới tính khi sinh, giám sát bệnh, tật bẩm sinh, giám sát điều kiện, vệ sinh trường học thuộc phạm vi quản lý: Cán bộ y tế, dân số tham gia giám sát được hỗ trợ mức 40.000 đồng/người/ngày ngoài chế độ công tác phí quy định tại văn bản hiện hành.

Điều 5. Nội dung chi và mức chi đặc thù hoạt động phòng, chống phong

1. Chi mua các vật dụng đặc thù và gia công sản xuất giày dép chuyên biệt cho bệnh nhân phong, pha chế thuốc bôi ngoài da phục vụ khám phát hiện bệnh phong. Mức chi theo hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp và theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

2. Chi hỗ trợ cho cán bộ y tế trực tiếp cấp phát thuốc và theo dõi bệnh nhân phong đa hóa trị liệu tại nhà, ngoài chế độ công tác phí hiện hành: Mức hỗ trợ như sau:

a) Đối với bệnh nhân nhóm ít vi khuẩn, điều trị đủ liều từ 6-9 tháng: 200.000 đồng/bệnh nhân/đợt điều trị đủ liều.

b) Đối với bệnh nhân nhóm nhiều vi khuẩn, điều trị đủ liều từ 12-18 tháng: 400.000 đồng/bệnh nhân/đợt điều trị đủ liều.

Điều 6. Nội dung chi và mức chi đặc thù hoạt động phòng, chống lao

1. Chi mua thuốc điều trị cho bệnh nhân lao (khi có quy định của Bộ Tài chính về thanh toán thuốc chống lao từ Quỹ bảo hiểm y tế cho các đối tượng có thẻ bảo hiểm y tế thì ngân sách nhà nước chỉ đảm bảo cho các đối tượng chưa được thanh toán thuốc chống lao từ Quỹ bảo hiểm y tế). Mức chi theo hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp và theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

2. Chi hỗ trợ cho cán bộ y tế làm công tác khám, phát hiện nguồn lây chính (lao phổi AFB) tại cộng đồng: Mức hỗ trợ: 30.000 đồng/bệnh nhân lao AFB.

3. Chi hỗ trợ cán bộ y tế xã trực tiếp khám và đưa bệnh nhân lao tới tổ chống lao tuyến huyện:

a) Đối với xã đặc biệt khó khăn: 50.000 đồng/xã/tháng.

b) Đối với các xã còn lại: 30.000 đồng/xã/tháng.

4. Chi hỗ trợ cho cán bộ y tế trực tiếp cấp phát thuốc, kiểm tra, giám sát bệnh nhân lao, lao kháng đa thuốc, lao tiềm ẩn điều trị đủ thời gian tại cộng đồng theo hướng dẫn của Bộ Y tế:

a) Đối với xã đặc biệt khó khăn: 170.000 đồng/bệnh nhân/đợt điều trị 6-8 tháng; 150.000 đồng/bệnh nhân lao tiềm ẩn/đợt điều trị; 200.000 đồng/bệnh nhân lao kháng đa thuốc/đợt điều trị 9 tháng hoặc 400.000 đồng/bệnh nhân lao kháng đa thuốc/đợt điều trị 20 tháng.

b) Đối với các xã còn lại: 120.000 đồng/bệnh nhân/đợt điều trị 6-8 tháng; 100.000 đồng/bệnh nhân lao tiềm ẩn/đợt điều trị; 150.000 đồng/bệnh nhân lao kháng đa thuốc/đợt điều trị 9 tháng hoặc 300.000 đồng/bệnh nhân lao kháng đa thuốc/đợt điều trị 20 tháng.

Điều 7. Nội dung chi và mức chi đặc thù cho hoạt động phòng, chống sốt rét.

1. Chi mua thuốc, hóa chất, bình phun hóa chất, vật tư phòng, chống sốt rét. Mức chi theo hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp và theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

2. Chi hỗ trợ cán bộ thực hiện các xét nghiệm phát hiện bệnh sốt rét tại gia đình: Xét nghiệm để định loại véc tơ truyền bệnh: 5.000 đồng/mẫu.

3. Chi hỗ trợ cán bộ tại điểm kính hiển vi: 150.000 đồng/điểm kính hiển vi/tháng.

4. Chi hỗ trợ người làm mồi và người đi bắt muỗi đêm: 130.000 đồng/người/đêm.

5. Chi hỗ trợ người trực tiếp phun, tắm hóa chất diệt muỗi: Mức hỗ trợ bằng 1,5 lần mức lương tối thiểu vùng (tính theo ngày) do Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động.

Điều 8. Nội dung chi và mức chi đặc thù cho hoạt động phòng, chống sốt xuất huyết

1. Chi mua hóa chất, bình phun hóa chất, trang thiết bị, vật tư phòng, chống sốt xuất huyết. Mức chi theo hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp và theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

2. Chi hỗ trợ cán bộ thực hiện các xét nghiệm phát hiện bệnh sốt xuất huyết tại gia đình:

a) Xét nghiệm để định loại véc tơ truyền bệnh: 5.000 đồng/mẫu.

b) Xét nghiệm huyết thanh chẩn đoán sốt xuất huyết (từ khâu lấy máu, vận chuyển đến bảo quản và xét nghiệm): 25.000 đồng/mẫu.

3. Hỗ trợ người trực tiếp phun, tắm hóa chất diệt muỗi, người trực tiếp thực hiện các hoạt động vệ sinh môi trường, diệt bọ gậy, lăng quăng tại hộ gia đình và trong các đợt tổ chức chiến dịch như sau:

a) Chi hỗ trợ người trực tiếp phun, tắm hóa chất diệt muỗi: mức hỗ trợ bằng 1,5 lần mức lương tối thiểu vùng (tính theo ngày) do Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động.

b) Chi hỗ trợ cho người trực tiếp thực hiện các hoạt động vệ sinh môi trường, diệt bọ gậy, lăng quăng tại hộ gia đình và trong các đợt tổ chức chiến dịch (không kể thành viên của hộ gia đình): 3.000 đồng/hộ/lần, mức hỗ trợ một ngày tối đa bằng mức lương tối thiểu vùng (tính theo ngày) do Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động.

Điều 9. Nội dung chi và mức chi đặc thù cho hoạt động bảo vệ sức khỏe tâm thần

1. Chi mua thuốc điều trị cho bệnh tâm thần. Mức chi theo hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp và theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

2. Chi phát hiện, quản lý và Điều trị sớm cho bệnh nhân tâm thần: Chi hỗ trợ cho cán bộ y tế làm bảng hỏi Beck hoặc đánh giá trầm cảm khác theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế: 15.000 đồng/bảng hỏi.

3. Chi hỗ trợ cho cán bộ y tế tuyến xã được phân công cấp thuốc định kỳ cho bệnh nhân tâm thần tại gia đình: 150.000 đồng/xã/tháng.

Điều 10. Nội dung chi và mức chi đặc thù cho hoạt động phòng, chống bệnh đái tháo đường và phòng, chống các rối loạn do thiếu Iốt

Chi hỗ trợ cán bộ y tế trong đợt khám sàng lọc, chiến dịch:

1. Chi hỗ trợ cán bộ y tế thực hiện quy trình lấy máu tĩnh mạch và ly tâm mẫu máu lấy huyết thanh xét nghiệm: 20.000 đồng/mẫu.
2. Chi hỗ trợ cán bộ y tế thực hiện quá trình làm nghiệm pháp tăng đường máu, mức chi: 5.000 đồng/mẫu.
3. Chi hỗ trợ xét nghiệm nhanh mẫu muối Iốt 2.000 đồng/mẫu.
4. Chi hỗ trợ khám siêu âm tuyến giáp trong điều tra, đánh giá, khảo sát 10.000đ/người được khám.
5. Chi nước uống và đường glucose cho đối tượng làm nghiệm pháp tăng đường máu: 10.000 đồng/người.

Điều 11. Nội dung chi và mức chi đặc thù cho hoạt động phòng chống bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính và hen phế quản

Chi hỗ trợ cán bộ y tế cơ sở hướng dẫn tập, phục hồi chức năng một lần cho bệnh nhân mắc bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính và hen phế quản tại cộng đồng: Mức hỗ trợ là 15.000 đồng/bệnh nhân hoặc 100.000 đồng/cán bộ y tế/ngày trong trường hợp hướng dẫn ít nhất từ 7 bệnh nhân trở lên tại cùng một địa điểm.

Điều 12. Nội dung chi và mức chi đặc thù cho hoạt động tiêm chủng mở rộng

1. Chi mua bơm kim tiêm, hộp an toàn, vật tư cho tiêm chủng mở rộng. Mức chi theo hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp và theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

2. Chi hỗ trợ cán bộ y tế cho trẻ uống hoặc tiêm vắc xin đủ 8 liều theo quy định của Chương trình.

- a) Đối với xã đặc biệt khó khăn: 3.000 đồng/trẻ/lần uống hoặc tiêm vắc xin.

- b) Đối với các xã còn lại: 1.500 đồng/trẻ/lần uống hoặc tiêm vắc xin.

3. Chi hỗ trợ cán bộ y tế tiêm vắc xin viêm gan B liều sơ sinh cho trẻ trong 24 giờ đầu sau sinh tại bệnh viện hoặc cơ sở y tế; tiêm một trong các loại vắc xin: viêm não Nhật Bản B, tả, thương hàn, sởi - rubella, DPT4 cho trẻ 18 tháng tuổi; cho trẻ tiêm/uống vắc xin trong các chiến dịch tiêm chủng bổ sung.

- a) Đối với xã đặc biệt khó khăn: 4.000 đồng/trẻ/liều (lần tiêm).

- b) Đối với các xã còn lại: 2.000 đồng/trẻ/liều (lần tiêm).

4. Chi hỗ trợ cán bộ tiêm đủ liều vắc xin uốn ván cho phụ nữ có thai và phụ nữ tuổi sinh đẻ

- a) Đối với xã đặc biệt khó khăn: 4.000 đồng/người được tiêm đủ liều.

- b) Đối với các xã còn lại: 2.000 đồng/người được tiêm đủ liều.

Điều 13. Nội dung chi và mức chi đặc thù cho hoạt động Dân số - Kế hoạch hóa gia đình

1. Chi hỗ trợ thực hiện chính sách triệt sản.

a) Đối tượng được hỗ trợ: Người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội; người dân sống tại xã thuộc tỉnh có tổng tỷ suất sinh trên 2,3 con; người làm việc trên biển từ 15 ngày trở lên.

b) Mức hỗ trợ: 300.000 đồng/người tự nguyện triệt sản.

2. Cấp miễn phí phương tiện tránh thai

Đối tượng được cấp miễn phí phương tiện tránh thai: Người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo; đối tượng bảo trợ xã hội; người dân sống tại xã thuộc tỉnh có tổng tỷ suất sinh trên 2,3 con; người làm việc trên biển trước khi đi biển dài ngày (từ 15 ngày trở lên) và khi cập bờ vào các âu thuyền tại các xã ven biển có từ 200 người trở lên làm việc trên biển.

3. Chi thực hiện dịch vụ Kế hoạch hóa gia đình, xử lý tai biến theo chuyên môn y tế đối với đối tượng tự nguyện triệt sản và người được cấp miễn phí phương tiện tránh thai:

a) Chi thực hiện dịch vụ Kế hoạch hóa gia đình và xử lý tai biến theo chuyên môn y tế: Mức chi thực hiện theo giá dịch vụ khám chữa bệnh của cơ quan có thẩm quyền quy định đối với cơ sở khám chữa bệnh công lập hiện hành.

b) Chi hỗ trợ tiêm thuốc tránh thai: Theo giá dịch vụ tiêm hiện hành đối với cơ sở y tế công lập.

c) Hỗ trợ chi phí đi lại (một lượt đi và về) cho bệnh nhân thuộc hộ nghèo, người tự nguyện triệt sản hoặc được cấp phương tiện tránh thai (vòng, thuốc tiêm, thuốc cấy) miễn phí bị tai biến theo chuyên môn y tế đến kiểm tra tình hình bệnh tại cơ sở y tế chuyên khoa từ tuyến huyện trở lên (đối với các bệnh không thuộc danh mục bệnh do bảo hiểm y tế chi trả và chưa được hỗ trợ từ các nguồn kinh phí khác) theo chỉ định của bác sĩ sau khi khám, sàng lọc phát hiện tại cộng đồng: Mức hỗ trợ thực hiện theo quy định về chi phí đi lại tại các văn bản hiện hành.

4. Chi hỗ trợ sàng lọc chẩn đoán trước sinh và sơ sinh:

a) Đối tượng được hỗ trợ thực hiện dịch vụ sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh: là người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội, người dân sống tại các vùng có nguy cơ cao, vùng nhiễm chất độc đioxin và chưa có thẻ bảo hiểm y tế.

b) Nội dung và mức chi của hoạt động sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh:

Chi khám, siêu âm, xét nghiệm cần thiết để sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh theo quy trình chuyên môn y tế do Bộ trưởng Bộ Y tế quy định: Mức chi theo giá dịch vụ khám chữa bệnh hiện hành (chi phí này đã bao gồm lấy mẫu máu mao mạch, mẫu máu gót chân trẻ sơ sinh, mẫu máu ngón tay bà mẹ trong sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh).

Chi gửi thông báo kết quả sàng lọc của đối tượng (bao gồm cả kết quả âm tính hoặc dương tính) theo giá cước dịch vụ bưu điện hiện hành (nếu có).

Chi phí đi lại khi phải chuyển tuyến theo phân tuyến chuyên môn kỹ thuật và chỉ định của thủ trưởng cơ sở khám chữa bệnh thực hiện dịch vụ sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh theo thẩm quyền: Mức hỗ trợ thực hiện theo quy định chi phí đi lại tại các văn bản hiện hành.

5. Chi khám sức khỏe tiền hôn nhân theo chuyên môn y tế do Bộ trưởng Bộ Y tế quy định:

a) Đối tượng được hỗ trợ: Người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội, người dân sống tại các vùng có nguy cơ cao, vùng nhiễm chất độc dioxin.

b) Mức chi thực hiện theo giá dịch vụ khám chữa bệnh của cơ quan có thẩm quyền quy định đối với cơ sở khám chữa bệnh công lập hiện hành.

6. Chi cập nhật thông tin về dân số - kế hoạch hóa gia đình của hộ gia đình vào Sổ ghi chép ban đầu về dân số - kế hoạch hóa gia đình của cộng tác viên: 5.000 đồng/phiếu thu tin của ít nhất 5 hộ gia đình đã có thông tin tại Sổ ghi chép hoặc của một hộ gia đình mới.

7. Chi hoạt động kiểm soát dân số các vùng biển, đảo và ven biển:

a) Chi kiểm tra sức khỏe, kiểm tra yếu tố nguy cơ cao, xét nghiệm kiểm tra yếu tố Rh (Rhesus), vi rút viêm gan B và các yếu tố khác ảnh hưởng trực tiếp đến sự mang thai, sự phát triển và chất lượng bào thai cho những cặp nam nữ chuẩn bị kết hôn thuộc hộ gia đình nghèo, người có công với cách mạng, người dân tộc thiểu số có nguy cơ sinh con dị tật cao: Mức chi thực hiện theo giá dịch vụ khám chữa bệnh của cơ quan có thẩm quyền quy định đối với cơ sở khám chữa bệnh công lập hiện hành.

b) Chi khám, kiểm tra sức khỏe cho các bà mẹ đang mang thai có nguy cơ cao ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển bình thường của bào thai do tác động của môi trường biển thuộc mô hình thí điểm can thiệp bảo đảm sự phát triển bình thường bào thai và sức khỏe cho người mang thai đang sinh sống và làm việc ở khu vực ngập mặn, đầm phá, cửa sông, cửa biển tại các xã ven biển: Mức chi thực hiện theo giá dịch vụ khám chữa bệnh của cơ quan có thẩm quyền quy định đối với cơ sở khám chữa bệnh công lập hiện hành.

c) Chi khám, kiểm tra sức khỏe phòng chống bệnh lây nhiễm qua đường tình dục, phòng ngừa mang thai ngoài ý muốn, phá thai an toàn cho người từ 15 đến 24 tuổi chưa kết hôn, không đi học, chưa có việc làm hoặc có việc làm không ổn định tại các xã ven biển, xã có khu công nghiệp, khu chế xuất, khu du lịch, khu kinh tế, âu thuyền, cảng cá, vịnh chài, cửa sông, cửa biển: Mức chi thực hiện theo giá dịch vụ khám chữa bệnh của cơ quan có thẩm quyền quy định đối với cơ sở khám chữa bệnh công lập hiện hành.

8. Chi chăm sóc sức khỏe người cao tuổi.

Chi khám, kiểm tra sức khỏe định kỳ cho người cao tuổi theo chuyên môn y tế do Bộ trưởng Bộ Y tế quy định. Mức chi thực hiện theo giá dịch vụ khám

chữa bệnh của cơ quan có thẩm quyền quy định đối với cơ sở khám chữa bệnh công lập hiện hành.

Điều 14. Nội dung chi và mức chi đặc thù cho hoạt động cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em

1. Chi hỗ trợ mua nguyên vật liệu cho hoạt động thực hành dinh dưỡng, kỹ thuật chế biến thức ăn cho bà mẹ đang mang thai, người chăm sóc trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng hoặc thừa cân béo phì: 6.000 đồng/người.

2. Chi hỗ trợ cán bộ y tế cho trẻ em 6 tháng đến 60 tháng tuổi uống vitamin A tại cộng đồng:

a) Đối với xã đặc biệt khó khăn: 4.000 đồng/trẻ/liều (lần uống).

b) Đối với xã còn lại: 2.000 đồng/trẻ/liều (lần uống).

Điều 15. Nội dung chi và mức chi đặc thù cho hoạt động an toàn thực phẩm.

Lấy mẫu, phân tích, đánh giá một số chỉ tiêu vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định về chuyên môn được cấp có thẩm quyền phê duyệt: Mức chi theo giá dịch vụ kiểm nghiệm theo quy định của pháp luật về giá.

Điều 16. Nội dung chi và mức chi đặc thù cho hoạt động phòng, chống HIV/AIDS

1. Chi mua thuốc kháng vi rút HIV (ARV) cho các đối tượng chưa được thanh toán thuốc kháng vi rút HIV từ Quỹ bảo hiểm y tế, thuốc nhiễm trùng cơ hội, sinh phẩm xét nghiệm HIV, thuốc điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế, bơm kim tiêm, bao cao su và các vật dụng khác cho phòng, chống HIV/AIDS. Mức chi theo hóa đơn, chứng từ chỉ tiêu hợp pháp và theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

2. Chi hỗ trợ cho nhân viên tiếp cận cộng đồng đã được cấp thẻ: 500.000 đồng/người/tháng.

3. Chi hỗ trợ cán bộ y tế làm công tác tư vấn cho đối tượng nguy cơ cao lây truyền HIV/AIDS, điều trị methadone: 500.000 đồng/người/tháng.

4. Chi hỗ trợ cho cán bộ chuyên trách ở xã trọng điểm: 200.000 đồng/xã/tháng.

Điều 17. Nguồn kinh phí thực hiện

Ngân sách tỉnh, khoảng 15.000 triệu đồng/năm.

Điều 18. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Các nội dung khác không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo các quy định pháp luật hiện hành. Khi Trung ương ban hành quy định mới

về nội dung chi, mức chi cho công tác Y tế dự phòng - Dân số thì áp dụng theo quy định của Trung ương.

4. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 3 năm 2021.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam khóa IX, thông qua tại kỳ họp thứ 22, ngày 16 tháng 3 năm 2021./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- VP: QH, CTN, CP;
- Ban CTĐB-UBND;
- Các Bộ: Y tế, Tài chính;
- Cục KT VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TVTU, TT HĐND, UBND tỉnh;
- UBMTTQVN, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, UBND, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Sở, ban, ngành, đoàn thể thuộc tỉnh;
- TTXVN tại Quảng Nam;
- Báo Quảng Nam, Đài PT-TH tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- VP HĐND tỉnh: CPVP, các phòng;
- Lưu: VT, TH.

CHỦ TỊCH

Phan Việt Cường